

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH
TỈNH HOÀ BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2022.

Về việc: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH, TỈNH HOÀ BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Anh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thanh Nhiên và ông Nguyễn Xuân Giao.

Thư ký tòa án ghi biên bản: Bà Vũ Thị Lan Hương – Thư ký viên chính
Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình tham gia phiên tòa:
Bà Lỗ Thị Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hoà Bình, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 141/2022/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2022 về việc: Ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phùng Thị T** – Sinh năm 1979.

ĐKKHKT: Tổ 10, phường T, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Chỗ ở: Xóm H, xã T, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.

- Bị đơn: Anh **Dương Kim L** - Sinh năm 1981.

Nơi cư trú: Số nhà 32, tổ 10, phường T, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

(Chị T có mặt; Anh L vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Phùng Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Dương Kim L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T cũ (nay là phường Th), thành phố Hòa Bình năm 2001. Thời gian đầu sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc, sau đó một thời gian vợ chồng không hợp nhau, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hiện cả hai không còn quan tâm đến

nhau. Hiện chị T không còn tình cảm với anh L, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị T đề nghị Tòa giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Dương Kim L.

- Về con chung: Dương Thị Á, sinh ngày 19/11/2002. Hiện nay cháu Ánh đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng chị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về công nợ chung: Chị T cho rằng vợ chồng không có công nợ chung.

- Về án phí ly hôn: Chị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn.

Quá trình cung cấp chứng cứ, anh Dương Kim L vắng mặt không đến Tòa làm việc, mặc dù đã được triệu tập nhiều lần. Tòa án đã tiến hành xác minh và tiến hành lấy lời khai của anh L tại nơi cư trú, anh L trình bày: Anh L đã nhận được giấy triệu tập của Tòa án nhưng do bận công việc và do anh không biết chữ nên anh không đến Tòa để giải quyết vụ án.

- Về quan hệ hôn nhân anh L xác nhận vợ chồng đã sống ly thân, chị T đã bỏ nhà đi nhiều năm nay, nay chị T có mong muốn được ly hôn, anh đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Dương Thị Á, sinh ngày 19/11/2002. Hiện nay cháu Ánh đã trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không đề nghị Tòa giải quyết.

- Về công nợ chung: Anh L khẳng định vợ chồng không có công nợ chung.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn giữ nguyên những quan điểm đã nêu.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về tố tụng, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các **Điều 70, Điều 71** Bộ luật tố tụng dân sự. Phía bị đơn đã được tổng đạt các giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, nên áp dụng các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Phùng Thị T ly hôn với anh Dương Kim L. Về con chung: Có 01 con chung là Dương Thị Á, sinh ngày 19/11/2002, hiện nay cháu Ánh đã trưởng thành. Về tài sản chung, công nợ chung đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập. Về án phí công nhận sự tự nguyện của nguyên đơn, do đó nguyên đơn chịu toàn bộ án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong Hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, đương sự không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đều hợp pháp.

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân gia đình, cụ thể là về việc ly hôn. Đồng thời, bị đơn – anh Dương Kim L có đăng ký Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay tại: Tổ 10, phường Thái Bình, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 29 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Bị đơn - anh Dương Kim L đã được tổng đạt giấy triệu tập phiên tòa hợp pháp nhiều lần nhưng vắng mặt. Căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tòa xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị T và anh Dương Kim L là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, quá trình chung sống có mâu thuẫn trầm trọng, chung sống không hạnh phúc; Hai vợ chồng hiện đã sống ly thân, cuộc sống chung thực tế không tồn tại, phía anh L cũng có quan điểm đồng ý ly hôn với chị T. Nay chị T xin được ly hôn với anh L là phù hợp căn cứ luật định, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phùng Thị T.

Về con chung: Chị T và anh L có 01 con chung là Dương Thị Á, sinh ngày 19/11/2002. Hiện nay cháu Ánh đã trưởng thành. Do vậy Tòa không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự khẳng định vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu giải quyết và không có công nợ chung nên không xét.

Về án phí: Nguyên đơn tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm, sự tự nguyện phù hợp pháp luật, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; **Điều 51, 56** của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phùng Thị T ly hôn với anh Dương Kim L.

2. Về án phí: Chị Phùng Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo Biên lai **số 0001401 ngày 05/5/2022 của** Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được kết quả xét xử.

Nơi nhận

- TAND tỉnh HB;
- VKSND thành phố HB;
- VKSND tỉnh HB;
- Chi cục THADS thành phố HB;
- UBND phường, xã nơi DS cư trú;
- UBND phường, xã thực hiện
đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- L HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Quỳnh Anh

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được kết quả xét xử.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận

- Tòa án ND tỉnh HB

tòa

- VKSND thành phố HB
- UBND phường Thái Bình TP HB
- Chi cục THADS thành phố HB
- Đường sự
- L HS

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên

TÒA CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN

Nơi nhận

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

tòa

- *Tòa án ND tỉnh HB*
- *VKSND thành phố HB*
- *UBND phường Thái Bình TP HB*
- *Chi cục THADS thành phố HB*
- *Đương sự*
- *L HS*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên